TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2026/QĐST-DS	*Thanh Hóa, ngày 02 tháng 02 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v: Yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản để thi hành án

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – THANH HÓA

`Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Bùi Văn Hải

Thư ký phiên họp: Ông Trần Văn Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Thanh Hóa tham gia phiên họp: Bà Dương Thị Hiên- Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2026 , tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 38/2025/TLST- DS ngày 13 tháng 10 năm 2025 về việc " Yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản để thi hành án" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 38/2025/QĐST- DS ngày 16 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 03/2025/QĐST-DS ngày 31/12/2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông Hoàng Anh T - Chấp hành viên

Nơi công tác: Thi hành án dân sự tỉnh T

Vắng mặt (Có đơn xin giải quyết vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến yêu cầu:

1. Bà Bùi Thị Q; Sinh năm: 1972
2. Ông Bùi Văn L; Sinh năm: 1975

Cùng địa chỉ: Thôn Y, xã V, tỉnh Thanh Hóa.

Bà Q là người đại diện theo ủy quyền của ông L.

Có mặt tại phiên họp

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Trong đơn yêu cầu đề ngày 30/10/2025 cũng như trong quá trình giải quyết việc dân sự, ông Hoàng Anh T trình bày:

Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa đang tổ chức thi hành Quyết định số 34/2022/QĐST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa) đối với bà Bùi Thị Q, là người phải thi hành các khoản: Án phí DSST số tiền 13.767.000đ

(Mười ba triệu bảy trăm sáu mươi bảy nghìn đồng), thanh toán nợ cho bà Nguyễn Thị L1 số tiền là: 588.391.000đồng (Năm trăm tám mươi tám triệu ba trăm chín mươi mốt nghìn đồng) và lãi suất.

Kết quả xác minh điều kiện thi hành án cho thấy bà Bùi Thị Q có tài sản chung với ông Bùi Văn L (chồng bà Q) là: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 137, tờ bản đồ số 07 (đo vẽ năm 2007), diện tích 680m^2, địa chỉ thửa đất: Khu phố Y, thị trấn V, huyện T (nay là thôn Y, xã V), tỉnh Thanh Hóa, theo giấy chứng nhận QSDĐ số DP 468400 số vào sổ cấp GCN: CH02680 do UBND huyện T cấp ngày 17/9/2024 mang tên bà Bùi Thị Q và ông Bùi Văn L.

Do bà Bùi Thị Q có điều kiện thi hành án nhưng không tự nguyện thi hành, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa) đã ban hành thông báo về việc xác định quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản nhà đất nêu trên để bà Bùi Thị Q và ông Bùi Văn L tự thoả thuận phân chia hoặc yêu cầu Toà án xác định nhưng bà Q, ông L không thực hiện. Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch Thành (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa) cũng đã thông báo cho bên được thi hành án về quyền yêu cầu Toà án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của bà Bùi Thị Q trong khối tài sản chung theo thủ tục tố tụng dân sự nhưng bên được thi hành án không yêu cầu tòa án giải quyết.

Căn cứ khoản 1 Điều 74 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, Chấp hành viên Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa yêu cầu Toà án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hoá thụ lý giải quyết việc xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của bà Bùi Thị Q trong khối tài sản chung theo thủ tục tố tụng dân sự để có căn cứ tổ chức thi hành án theo quy định.

Tại biên bản lấy lời khai và tại phiên họp bà Bùi Thị Q trình bày: Bà và ông Bùi Văn L kết hôn với nhau từ năm 1993. Quá trình chung sống, bà và ông L được bố mẹ chồng tặng cho thửa đất số 137, tờ bản đồ số 07 (đo vẽ năm 2007), diện tích 680m^2, địa chỉ thửa đất: Khu phố Y, thị trấn V, huyện T (nay là thôn Y, xã V), tỉnh Thanh Hóa. Bà và ông L cũng tạo lập được một số tài sản trên đất gồm nhà chính (xây dựng năm 2000) và xây dựng thêm bán bình.

Nay bà Nguyễn Thị L1 đang yêu cầu Thi hành án giải quyết buộc bà phải thanh toán số tiền nợ theo Quyết định số 34/2022/QĐST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa. Do hoàn cảnh gia đình hết sức khó khăn nên bà xin được trả cho bà L1 số tiền là 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng) và xin trả dần hàng tháng là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng). Nếu bà L1 không đồng ý, bà Q đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Ông Bùi Văn L cũng có ý kiến như bà Q trình bày ở trên.

Ý kiến của đại diện VKSND khu vực 7 - Thanh Hóa tham gia phiên họp:

- Về tố tụng: Việc Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa thụ lý vụ việc dân sự là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 9 Điều 27, khoản 2 Điều 35, khoản 2 Điều 39 BLTTDS. Quá trình giải quyết vụ việc và tại phiên họp, Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định tại Điều 366 và Điều 369 BLTTDS. Người yêu cầu; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 73 BLTTDS.

- Về nội dung: Đại diện VKS đề nghị áp dụng: Điều 213 Bộ luật dân sự; Khoản 1 Điều 74 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự; Điều 29, Điều 33 và Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 9 Điều 27, Điều 35, khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 366, Điều 369, Điều 370, Điều 371 và Điều 372 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 4 Điều 11 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của Chấp hành viên Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa: Xác định thửa đất số 137, tờ bản đồ số 07 (đo vẽ năm 2007), diện tích 680m^2, địa chỉ thửa đất: Khu phố Y, thị trấn V, huyện T - Nay là thôn Y, xã V, tỉnh Thanh Hóa, theo giấy chứng nhận QSDĐ số DP 468400 số vào sổ cấp GCN: CH02680 do UBND huyện T cấp ngày 17/9/2024 mang tên bà Bùi Thị Q và ông Bùi Văn L và tài sản gắn liền với đất là tài sản thuộc sở hữu chung của ông Bùi Văn L và bà Bùi Thị Q. Trong đó phần quyền sở hữu, phần quyền sử dụng của bà Bùi Thị Q được xác định bằng ½ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất.

Về lệ phí: Người yêu cầu là ông Hoàng Anh T -Chấp hành viên Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa không phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 7 – Thanh Hóa nhận định:

[1]. Về quyền yêu cầu giải quyết việc dân sự: Do bà Bùi Thị Q là người phải thi hành án và có điều kiện thi hành án nhưng không tự nguyện thi hành án. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành (Nay là Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa) đã ban hành thông báo về việc xác định quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản nhà đất nêu trên để bà Bùi Thị Q và chồng là ông Bùi Văn L tự thoả thuận phân chia hoặc yêu cầu Toà án xác định nhưng bà Q và ông L không thực hiện. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành (Nay là Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa) cũng đã thông báo cho bên được thi hành án về quyền yêu cầu Toà án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của bà Bùi Thị Q trong khối tài sản chung theo thủ tục tố tụng dân sự nhưng bên được thi hành án không yêu cầu tòa án giải quyết.

Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 74 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, Chấp hành viên Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hoá yêu cầu xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của bà Bùi Thị Q trong khối tài sản chung theo thủ tục tố tụng dân sự là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Đối với yêu cầu của Chấp hành viên Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa, xét thấy:

[2.1]. Đối với thửa đất số 137, tờ bản đồ số 07 (đo vẽ năm 2007), diện tích 680m^2, địa chỉ thửa đất: Khu phố Y, thị trấn V, huyện T (nay là thôn Y, xã V), tỉnh Thanh Hóa, theo giấy chứng nhận QSDĐ số DP 468400 số vào sổ cấp GCN: CH02680 do UBND huyện T cấp ngày 17/9/2024 mang tên bà Bùi Thị Q và ông Bùi Văn L. Theo nguyên tắc chung về chế độ tài sản của vợ chồng quy định tại Điều 29 Luật hôn nhân và gia đình quy định *"Vợ, chồng bình đẳng với nhau về quyền, nghĩa vụ trong việc tạo lập, chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung; không phân biệt giữa lao động trong gia đình và lao động có thu nhập".* Do đó, có đủ căn cứ xác định bà Bùi Thị Q và anh Bùi Văn L, mỗi người có ½ , phần quyền sử dụng, đối với thửa đất trên.

[2.2]. Đối với tài sản trên đất gồm: Ngôi nhà cấp 4, lợp mái ngói vì kèo gỗ kết hợp luồng, nền lát gạch ceramic xây dựng năm 2000. Diện tích nhà là 69,6m^2. Bán bình khung cột sắt, mái lợp tôn thường, diện tích 113,5m^2. Đây là những tài sản của bà Bùi Thị Q và ông Bùi Văn L tạo lập trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, bà Q và ông L mỗi người có ½ , phần quyền sở hữu đối với các tài sản trên.

Như vậy, yêu cầu của Chấp hành viên Thi hành án dân sự tỉnh T là có căn cứ và được chấp nhận.

[3]. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản: Ông Hoàng Anh T – Chấp hành viên Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa tự nguyện chịu toàn bộ chi phí và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4]. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Theo quy định tại khoản 4 Điều 11 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì ông Hoàng Anh T - Chấp hành viên Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa không phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 9 Điều 27, Điều 35, khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 366, Điều 369, Điều 370, Điều 371 và Điều 372 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các cứ Điều 213 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 74 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự;

- Căn cứ các Điều 29, Điều 33 và Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 4 Điều 11 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Hoàng Anh T - Chấp hành viên Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.

Xác định thửa đất số 137, tờ bản đồ số 07 (đo vẽ năm 2007), diện tích 680m^2, địa chỉ thửa đất: Khu phố Y, thị trấn V, huyện T - Nay là thôn Y, xã V, tỉnh Thanh Hóa, theo giấy chứng nhận QSDĐ số DP 468400 số vào sổ cấp GCN: CH02680 do UBND huyện T cấp ngày 17/9/2024 mang tên bà Bùi Thị Q và ông Bùi Văn L và tài sản gắn liền với đất là tài sản thuộc sở hữu chung của ông Bùi Văn L và bà Bùi Thị Q. Trong đó phần quyền sở hữu, phần quyền sử dụng của bà Bùi Thị Q được xác định bằng ½ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ông Hoàng Anh T không phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Bà Bùi Thị Q có quyền kháng cáo Quyết định này trong hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra Quyết định. Ông Hoàng Anh T, ông Bùi Văn L có quyền kháng cáo Quyết định này trong hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định hoặc kể từ ngày Quyết định được thông báo, niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa có quyền kháng nghị Quyết định này trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa có quyền kháng cáo Quyết định này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án ra Quyết định.

4. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 7 – Thanh Hóa;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Bùi Văn Hải